

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Phương Hằng.

2. Ông Nguyễn Văn Đô.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 734/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2020, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 23/2020/TB-HNGĐ ngày 11/3/2020, thông báo về thời gian mở lại phiên tòa sơ thẩm số 112/2020/TB-HNGĐ ngày 28/4/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm N, sinh năm: 1996.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố E, phường T, thành phố P, tỉnh B.

Địa chỉ chỗ ở: Khu phố L thị trấn M, huyện H, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khu phố E, phường T, thành phố P, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang H tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh B vào ngày 12/9/2016. Sau khi

kết hôn, bà N về nhà chồng ở khu phố E, phường T, thành phố P sống. Vợ chồng sống hạnh phúc tới đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, ông H và gia đình ông H chửi bới, không tôn trọng bà N. Nguyên nhân do từ tháng 7/2019 bà N và ông H có mâu thuẫn về công việc, vấn đề tiền bạc, vàng cưới, mâu thuẫn giữa bà và mẹ chồng. Bà N xác định bà đã hết tình cảm với ông, vợ chồng bà sống ly thân kể từ tháng 8/2019 và bà đã mang con về nhà cha mẹ ruột ở khu phố L, huyện H ở đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đỉnh điểm là ngày 20/10/2019 giữa bà N, ông H và cha mẹ hai bên đã có cãi vã, xúc phạm nhau, Công an thị trấn M, huyện H đến giải quyết và yêu cầu ông H, bà N viết giấy thỏa thuận ngày 20/10/2019, cam kết hai bên không dùng lời nói, hành động xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc xâm hại sức khỏe và tài sản của nhau. Bà đã cho ông H cơ hội hàn gắn nhưng ông H không thay đổi, vẫn tiếp tục không tôn trọng và làm tổn thương bà. Ngày 14/12/2019 bà cùng các chú, bác của ông H đến nhà ông H để nói chuyện, hòa giải, tuy nhiên mẹ chồng bà tiếp tục chửi bới bà, ông H lại cho rằng bà đến nhà ông H quậy phá, nay bà N xác định vợ chồng bà không thể hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H I, sinh ngày 30/9/2017, con hiện dưới 36 tháng tuổi đang ở với bà N, do bà có việc làm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, bà đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên bà đề nghị Tòa án giao con cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Lương cơ bản hàng tháng của bà là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, cộng các khoản phụ cấp khác thì trung bình hàng tháng thu nhập của bà khoảng bảy triệu đồng. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, tại buổi hòa giải ngày 17/12/2019 bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày tại bản tự khai ngày 09/12/2019 và tại buổi hòa giải ngày 17/12/2019 tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Võ Thị Cẩm N như bà N trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo ông nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình giữa ông và bà N không phù hợp, quá trình chung sống vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, vợ chồng có cãi vã trong việc lựa chọn công việc của vợ ông; mâu thuẫn của vợ chồng là về tiền bạc, vàng cưới và giữa vợ ông và mẹ ông cũng có mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Ngày 20/10/2019, ông, mẹ ông với một số người họ hàng của nhà ông có lên nhà cha mẹ bà N ở thị trấn M, huyện H là chỉ để thăm con của ông, nhưng sau đó giữa hai gia đình xảy ra cãi vã, dẫn đến Công an thị trấn M, huyện H phải đến yêu cầu hai bên viết giấy thỏa thuận. Tại bản tự khai ngày 09/12/2019 ông khai là ông còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn, tuy nhiên sau khi về suy nghĩ kỹ thì ông xác định vợ chồng ông không thể hàn gắn. Đến nay ông đã xác định ông cũng không còn tình cảm gì với bà N, nên ông đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của bà N.

Về con chung: ông và bà N có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H I, sinh ngày 30/9/2017, con hiện dưới 36 tháng tuổi đang ở với bà N. Mặc dù ông biết quy định của pháp luật là con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi, tuy nhiên, do ông cũng có việc làm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, ông đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên đề nghị Tòa án giao con cho ông nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của ông hàng tháng lương cơ bản là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và cộng các khoản phụ cấp khác thì tổng thu nhập hàng tháng của ông khoảng từ năm đến sáu triệu đồng nên đủ khả năng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và không giao con cho ông nuôi dưỡng thì ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 500.000 (năm trăm ngàn) đồng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do là chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải nhưng hai bên cương quyết ly hôn, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: bà N, ông H có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H I - sinh ngày 30/9/2017. Hiện nay cháu H I dưới 36 tháng tuổi, theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con Nguyễn Nhật H I cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 17/12/2019, bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng, và tại phiên tòa sơ thẩm bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy ông Nguyễn Quang H hàng tháng có mức thu nhập 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Ông H có ý kiến trường hợp Tòa án giao con cho bà N nuôi dưỡng thì ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy, với số tiền 500.000 đồng theo yêu cầu của ông H là không phù hợp. Do vậy, đề nghị buộc ông Nguyễn Quang H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn

18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: bà N, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quang H đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu phố E, phường T, thành phố P, tỉnh B. Do vậy bà Võ Thị Cẩm N khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Quang H, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Ông Nguyễn Quang H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quang H là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 53/2016 ngày 12/9/2016 của UBND phường T, thành phố P, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm N kiện xin ly hôn ông Nguyễn Quang H vì bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn ông Nguyễn Quang H cũng xác nhận vợ chồng ông bà có mâu thuẫn hiện đang sống ly thân nên đồng ý ly hôn.

Như vậy cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: vợ chồng không còn chung sống với nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vì mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã kéo dài một thời gian nhưng vợ chồng không hòa giải được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Như vậy cả ông và bà đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình; bà N yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[2] *Về con chung:* bà N, ông H có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H I - sinh ngày 30/9/2017. Hiện nay cháu H I đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn cả bà N và ông H đều giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật H I.

Tuy nhiên xét cháu H I sinh ngày 30/9/2017, hiện dưới 36 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con*”. Bà N có đủ sức khỏe và khả năng lao động, có công việc và thu nhập, giữa bà N và ông H

không có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con, đồng thời căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu H I cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích của cháu H I.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Tại buổi hòa giải ngày 17/12/2019 bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Xét thấy ông Nguyễn Quang H hiện có công việc ổn định và theo trình bày của ông H hàng tháng thu nhập lương cơ bản 4.500.000 đồng nhưng thu nhập thực tế hàng tháng là năm đến sáu triệu đồng. Ông H có ý kiến trường hợp Tòa án giao con cho bà N nuôi dưỡng thì ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy, với số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo yêu cầu của ông H thì không thể đáp ứng nhu cầu cho cháu Nguyễn Nhật H I hiện dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quang H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung*, nợ chung: Bà N, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Võ Thị Cẩm N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu xin ly hôn, ông Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 468, Điều 6, 7, và 30 Luật Thi hành án dân sự;

[2] Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm N. Bà Võ Thị Cẩm N được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm N và ông Nguyễn Quang H có 01 con chung tên: Nguyễn Nhật H I, sinh ngày 30/7/2020 (giới tính: Nam). Giao cháu Nguyễn Nhật H I (nam) – sinh ngày: 30/9/2017 cho bà Võ Thị Cẩm N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Ông Nguyễn Quang H cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Nhật H I hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, Ông Nguyễn Quang H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí:

Bà Võ Thị Cẩm N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình. Ngày 04/12/2019 bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005169 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Tiền tạm ứng án phí chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo của nguyên đơn là mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án (18/5/2020), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Phan Thiết;
- UBND phường T;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên

